

# Những Sự Thật Không Thể Chối Bỏ (Phần 2) HỒ Chí Minh và Vai Trò Trong Công Hàm 1958

Đặng Chí Hùng (Danlambao)



Để nối tiếp chuỗi bài về những sự thật không thể chối bỏ, tôi xin trình bày về các vấn đề: Có hay không công hàm 1958, công hàm đó có phải là công hàm bán nước hay không và vai trò của ông HỒ Chí Minh trong công hàm bán nước 1958 cho Trung cộng. Từ trước đến giờ chúng ta luôn coi nó là tác phẩm của ông Phạm Văn Đồng. Nhưng sự thực có phải thế không. Vấn đề này không mới nhưng nó được chứng minh theo hướng mới và quan trọng hơn là vai trò của ông Hồ trong sự kiện này. Tôi xin trình bày dưới bài viết này.

## A. Sự thật về công hàm 1958:

### 1. Tuyên bố của phía Trung cộng về chủ quyền ở HS-TS của VN:

Ngày 4 tháng 9 năm 1958, chính phủ Trung cộng mà đại diện là thủ tướng Chu Ân Lai tuyên bố về chủ quyền hải đảo của Trung cộng. Tuyên bố này được thông qua trong kỳ họp thứ 100 của Ban Thường Trực Quốc Hội Nhân Dân. Đây là các links dẫn chứng về tuyên bố này của Trung cộng:

Bản tiếng Trung: <http://www.law.hku.hk/conlawhk/sourcebook/10032.htm>

Bản tiếng Anh: <http://www.law.hku.hk/cisourcebook/10033.htm>

Nội dung của tuyên bố trên của Trung cộng được dịch ra tiếng Việt như sau:

Trước hết là bản dịch của dịch giả Trần Đồng Đức:

Công bố của chính phủ nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa về lãnh hải ngày 4 tháng 9 năm 1958  
Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc (Nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa)

Đại biểu ủy viên thường vụ đại hội nhân dân toàn quốc liên quan việc phê chuẩn quyết nghị công bố lãnh hải của chính phủ nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa (Ngày 4 tháng 9 năm 1958 đại hội ủy viên thường vụ đại biểu nhân dân toàn quốc hội nghị thứ 100 thông qua)

### Quyết nghị

Ngày 4 tháng 9 năm 1958 đại hội ủy viên thường vụ đại biểu nhân dân toàn quốc hội nghị thứ 100 thông qua quyết định phê chuẩn về tuyên bố lãnh hải của chính phủ nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Đính kèm: Công bố của chính phủ nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa về lãnh hải

Chính phủ nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa tuyên bố:

\* Một: Lãnh hải của nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa rộng 12 hải lý. Quy định này áp dụng cho toàn bộ lãnh thổ nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa, bao gồm Trung Quốc đại lục cùng với duyên hải của các hải đảo, với Đài Loan cùng các hòn đảo xung quanh cách đại lục bằng hải phận quốc tế, những hòn đảo của khu vực Bành Hồ, quần đảo Đông Sa, quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa), quần đảo Trung Sa, quần đảo Nam Sa (Trường Sa) và những gì thuộc về những hải đảo của Trung Quốc.

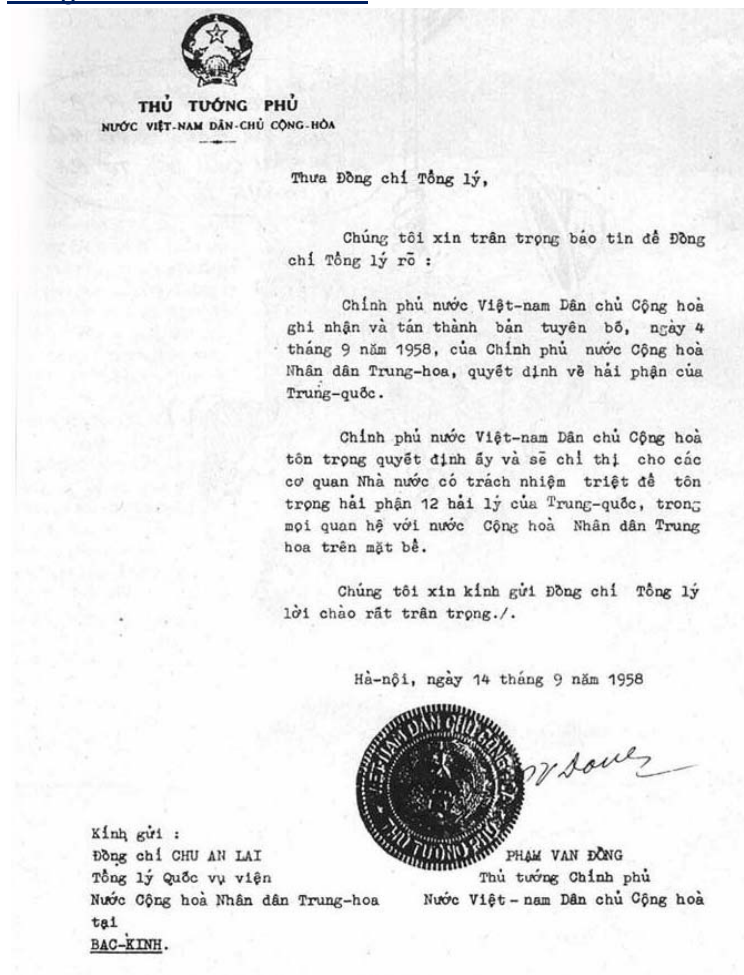
\* Hai: Lãnh hải của Trung Quốc đại lục và duyên hải của các đảo được tính theo đường thẳng nối liền những điểm mốc ven bờ làm đường biên cơ sở, thủy vực từ đường biên cơ sở này hướng ra ngoài 12 hải lý là lãnh hải của Trung Quốc. Phần nước thuộc đường biên cơ sở này hướng vào bên trong, bao gồm vịnh Bột Hải, phần trong hải vực Quỳnh Châu, đều là phần nội hải của Trung Quốc. Các đảo thuộc đường biên cơ sở này hướng vào trong, bao gồm đảo Đông Dẫn, đảo Cao Đăng, đảo Mã Tổ, đảo Bạch Khuyển, đảo Điều Khưu, đảo Kim Môn lớn nhỏ, đảo Nhị Đả, đảo Đông Định đều thuộc về các đảo thuộc nội hải của Trung Quốc.

\* Ba: Tất cả phi cơ và thuyền bè quân dụng của ngoại quốc, chưa được chính phủ nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa cho phép, không được tiến nhập vào lãnh hải vào không gian trên lãnh hải. Bất cứ tàu bè ngoại quốc nào vận hành tại lãnh hải của Trung quốc, phải tôn trọng pháp lệnh hữu quan của chính phủ nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

\* Bốn: Dựa trên nguyên tắc quy định 2, 3 áp dụng cho cả Đài Loan cùng các hòn đảo xung quanh, những hòn đảo của khu vực Bành Hồ, quần đảo Đông Sa, quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa), quần đảo Trung Sa, quần đảo Nam Sa (Trường Sa) và những gì thuộc về những hải đảo của Trung Quốc. Đài Loan và Bành Hồ địa khu hiện nay đang bị Mỹ dùng vũ lực xâm chiếm. Đây là hành vi phi pháp xâm phạm chủ quyền và sự toàn vẹn của lãnh thổ nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Đài Loan và Bành Hồ đang chờ đợi để thu hồi, chính phủ nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa sử dụng tất cả những phương pháp thích đáng tại một thời điểm thích đáng để thu phục những khu vực này, đây là chuyện nội bộ của Trung Quốc, không cho phép ngoại quốc can thiệp. (Chú ý ở đây: Tây Sa và Nam Sa là cách gọi của Trung Cộng về HS-TS của Việt Nam)

Nội dung bản dịch này là chính xác bản thân chúng ta có thể kiểm chứng. Tôi xin nêu ra đây một minh chứng bản dịch này là chính xác vì vấn đề chính trong tuyên bố Trung cộng tuyên bố về chủ quyền HS-TS đã được tờ Đại Đoàn Kết (Báo của trung ương đảng cộng sản Việt Nam công nhận). Đây là links của bài báo đó trên tờ Báo Đất Việt (Chi nhánh của BQP cộng sản):

<http://quocphong.baodatviet.vn/Home/QPCN/Su-that-ve-cong-ham-cua-Thu-tuong-Pham-Van-Dong/20117/156665.datviet>



Trong bài viết của báo Đại Đoàn Kết có đoạn: Theo lý giải của Trung Quốc, ngày 4/9/1958, Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai đã công khai tuyên bố với quốc tế quyết định của Chính phủ Trung Quốc về hải phận 12 hải lý kể từ đất liền của Trung Quốc và các đảo ngoài khơi, bao gồm cả quần đảo Tây Sa và Nam Sa (tức quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam).

Kết luận 1: Trung quốc rõ ràng đã tuyên bố HS-TS là của họ trong tuyên bố 4/9/1958 của Chu Ân Lai. Cả dư luận lẫn đảng cộng sản Trung quốc, cộng sản Việt Nam công nhận.

2. Công hàm 1958 của ông Phạm Văn Đồng: Ngay sau khi tuyên bố của Trung cộng về việc HS-TS là của họ thì ông Phạm Văn Đồng lúc đó là thủ tướng Việt Nam Dân Chủ cộng hòa (VNDCCH) tiến hành việc đưa ra công hàm ký ngày 14/9/1958. Công hàm này có bản photocopy như sau:

Công hàm này ngoài ra thời điểm đó còn được các tờ báo Nhân dân thời điểm đó đưa tin (Báo nhân dân là cơ quan ngôn luận của Đảng cộng sản Việt Nam). Đây là hình ảnh của Báo nhân dân đã đưa tin về sự kiện này:

#### ANNEXE 4

La note adressée le 14 septembre 1958 par le premier ministre vietnamien Pham Van Dong au premier ministre Zhou Enlai.



và ngay sau đó thì sáng ngày 21.9.1958, ông Nguyễn Khang, Đại sứ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tại Trung Quốc, đã gặp Cơ Bàng-phi, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và đã chuyển bức công hàm của ông Phạm Văn Đồng đến ông Chu Ân Lai.

**CHÍNH PHỦ NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA CÔNG NHẬN QUYẾT ĐỊNH VỀ HẢI PHẬN CỦA TRUNG-QUỐC**

Sáng ngày 21.9.1958, đồng chí Nguyễn Khang, Đại sứ nước Việt-nam dân chủ cộng hòa tại Trung Quốc, đã gặp đồng chí Cơ Bàng-phi, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa và đã chuyển bức công hàm sau đây của Chính phủ tại Thủ đô Bắc Kinh, Trung Quốc, nhân dân Trung-hoa,

Chúng tôi xin trân trọng báo Hà Nội đồng chí Tổng lý rõ:

Chính phủ nước Việt-nam dân chủ cộng hòa ghi nhận và tôn thành bản tuyên bố, ngày 4 tháng 9 năm 1958, của Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, quyết định về hải phận của Trung-quốc.

Chính phủ nước Việt-nam dân chủ cộng hòa tôn trọng quyết định ấy và sẽ chỉ thị cho các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm triệt để tôn trọng hải phận 12 hải lý của Trung-quốc trong mọi quan hệ với nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa trên mặt biển.

Chúng tôi xin kính gửi đồng chí Tổng lý lời chào rất trân trọng.

11.9.1958, ngày 11 tháng 9 năm 1958  
**PHẠM VĂN ĐỒNG**  
 Thứ trưởng Ngoại giao  
 nước Việt-nam dân chủ cộng hòa

Trước đó, năm 1956, ông Ung Văn Khiêm, nhân tiếp phái đoàn ngoại giao TQ, Thứ Trưởng bộ Ngoại Giao có tuyên bố với Li Zhimin, tham tán sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam: chiếu theo tài liệu VN thì HS và TS thuộc về TQ.

Ông Lê Lộc, Chủ tịch Châu Á Sự Vụ, nhân có mặt cũng nói vào: Theo sử liệu VN thì HS và TS thuộc TQ từ thời nhà Tống. Sự việc này tạp chí Beijing Review ngày 18 tháng Hai năm 1980 đã có đăng lại trong bài "Chủ quyền không thể tranh cãi của Trung Quốc trên các đảo Tây Sa và Nam Sa".

Năm 1977 cựu Thủ tướng Phạm Văn Đồng giải thích quan điểm của ông về công hàm này như sau: "đó là thời chiến nên phải nói như vậy thôi".

Sau đó ông Nguyễn Mạnh Cầm, nguyên Bộ Trưởng bộ Ngoại Giao, trong một cuộc họp báo tại Hà Nội ngày 2 tháng 12 năm 1992 nói như sau: "Các nhà lãnh đạo của ta lúc trước xác nhận về Hoàng Sa và Trường Sa như vậy là do theo hiệp định Genève năm 1954 về vấn đề Đông Dương thì tất cả lãnh thổ từ vĩ tuyến thứ 17 trở vào Nam là thuộc chính quyền miền Nam, kể cả hai quần đảo này."

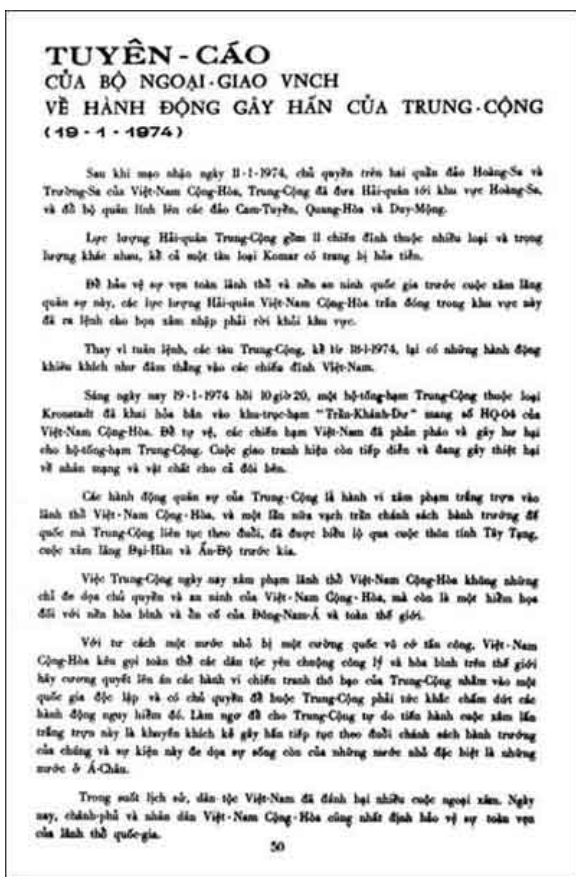
Kết luận 2: Căn cứ vào nội dung đưa tin của tờ báo chính thức của đảng cộng sản Việt Nam, và những gì nội dung đọc được trên công văn chính thức của ông Phạm Văn Đồng thì có thể kết luận. Những gì ông Đồng công nhận tuyên bố HS- TS của Trung cộng là có thật. Đây hoàn toàn là thông tin từ cơ quan của đảng cộng sản Việt Nam tuyên bố.

**3. Hoàn cảnh lịch sử Việt Nam lúc đó:**  
 Trong thời điểm Trung cộng tuyên bố chủ quyền của mình tại HS-TS (vốn của Việt Nam) thì nước Việt chúng ta chia làm hai. Miền Bắc là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (VNDCCH) theo đường lối cộng sản độc tài. Miền Nam là Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) theo đường lối dân chủ tự do. Lúc này các hòn đảo HS-TS đang thuộc

quyền kiểm soát của VNCH. Chúng ta phải nhìn nhận rằng dù là VNCH hay VNDCCH nắm giữ đều có một điểm là: HS-TS là của Việt Nam. Nó chưa bao giờ là chủ quyền của Trung cộng.

Thời điểm này, miền nam đang tiến hành chính sách “Người cày có ruộng” và phát triển kinh tế của tổng thống Ngô Đình Diệm. Miền bắc cũng tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội với sự giúp đỡ của Liên Xô và Trung Cộng. Ngoài ra chính phủ VNDCCH dưới sự lãnh đạo độc tài của đảng cộng sản đang muốn tranh thủ sự hậu thuẫn từ LX, TC để tiến hành chiến tranh với VNCH.

Điểm chính ở đây là cả công bố của phía Trung cộng và công hàm của ông Phạm Văn Đồng đều diễn ra sau khi VNCH tiến hành công bố tái xác lập về chủ quyền của VNCH tại HS-TS. Tuyên bố chủ quyền của VNCH diễn ra vào tháng 4 năm 1956. Như vậy VNCH đã tiếp bước các tiền nhân giữ đất biển bao đời của Việt Nam và tuân thủ việc công khai chủ quyền sau hiệp định Geneve 1954. Đảng cộng sản Việt nam đã không vì lợi ích của dân tộc mà 2 năm sau đó, công khai ủng hộ kẻ thù cướp đoạt trái phép lãnh thổ Việt Nam. VNCH chỉ chịu mất chủ quyền trên đảo HS năm 1974 sau trận hải chiến mà ai trong chúng ta cũng biết về người anh hùng Ngụy Văn Thà. Sự kiện này tôi xin không cần nhắc lại. Tôi xin cung cấp thêm về tài liệu của phía bộ ngoại giao VNCH phản đối công khai việc làm phi pháp của Trung cộng:



#### 4. Kết luận chung về sự kiện này:

Tôi xin nêu lên quan điểm chứng minh rằng công hàm 1958 của ông Phạm Văn Đồng là công hàm phi pháp và bán nước.

Qua kết luận 1 và kết luận 2 chúng ta thấy một điều hiển nhiên. Trung cộng tuyên bố sai phạm về chủ quyền của mình tại HS-TS. Ông Phạm Văn Đồng là thủ tướng VNDCCH lúc đó đã không những phản đối mà lại công nhận điều tuyên bố sai phạm là đúng. Như vậy đã tiếp tay cho kẻ thù xâm phạm chủ quyền Việt Nam. Đây là công hàm bán nước.

Ngoài ra, tôi xin chứng minh các luận điệu biện hộ của phía đảng cộng sản Việt Nam sau khi bị lộ tẩy công văn này là càng sai trái và ngoan cố.

Đầu tiên, Trên trang chủ Biendong.net (trang của chính phủ và những người cộng sản Việt Nam) có bài (Links: <http://biendong.net/binh-luan/236-v-cai-gi-la-ong-phm-vn-ng-a-chi-b-ch-quyn-i-vi-hai-qun-o-hoang-sa-va-trng-sa.html>). Trong đó có đoạn: Công hàm nêu trên của Phạm Văn Đồng có hai nội dung hết sức đơn giản và rõ ràng, đó là ông Phạm Văn Đồng ghi nhận và tán thành việc Trung Quốc mở rộng lãnh hải ra 12 hải lý và chỉ thị cho các cơ quan Việt Nam tôn trọng giới hạn lãnh hải 12 hải lý mà Trung Quốc tuyên bố.

Trong công hàm của ông Phạm Văn Đồng không có từ nào, câu nào đề cập đến vấn đề lãnh thổ và chủ quyền, không nêu tên bất kỳ quần đảo nào như Chu Ân Lai đã nêu.

Do vậy, chỉ xét về câu chữ thôi cũng dễ dàng nhận thấy rằng mọi suy diễn cho rằng ông Phạm Văn Đồng đã tuyên bố từ bỏ chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và coi đó là bằng chứng khẳng định Việt Nam đã thừa nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo này là xuyên tạc và không có cơ sở pháp lý.

Bài này viện ra lý do việc ông Đồng chỉ công nhận 12 hải lý chứ không nêu rõ việc HS-TS là của Trung cộng. Tôi xin đưa ra luận giải như sau. Đúng là về câu chữ không có HS-TS của Trung quốc trong công hàm của ông Phạm Văn Đồng. Nhưng tại sao chính phủ VNDCCH không phản đối nội dung tuyên bố của phía Trung

Cộng? Trong công hàm ghi rõ “ghi nhận và tán thành bản tuyên bố ngày 4 tháng 9 năm 1958, của Chính phủ nước Cộng Hòa Nhân dân Trung-hoa, quyết định về hải phận của Trung quốc.”

Về nguyên tắc công văn cấp nhà nước không thể có sự nhập nhèm đúng và sai, nhất là vấn đề lãnh thổ. Vậy khi tuyên bố của đối phương bao gồm cả phần đất của mình, không lý nào đảng cộng sản và chính phủ VNDCCH lại không biết. Và cũng không thể trả lời mập mờ như thế.

Vấn đề tôi xin nêu ở đây. Nếu là chủ trương bán nước thì đã quá rõ. Còn nếu biện hộ là tuyên bố chung chung thì cũng không thể được vì một chính phủ làm việc lại vô trách nhiệm ra những tuyên bố sai trái như vậy cũng hoàn toàn không thể vô can. Dù là cố tình hay “Vô ý” như cách lý giải của đảng cộng sản hiện nay cũng có tội với dân tộc.

Thứ hai, có một số ý kiến nói công hàm 1958 không được quốc hội Việt Nam thông qua. Trên biendong.net có đoạn: Sự thực là công hàm nêu trên của Phạm Văn Đồng không được đưa ra để Quốc hội Việt Nam xem xét thông qua. Cho tới nay Trung Quốc cũng không đưa ra được bất kỳ chứng cứ gì minh chứng là Công hàm của Phạm Văn Đồng đã được Quốc hội Việt Nam thông qua.

Nếu viện lý do này thì chúng ta thấy rằng ông Phạm Văn Đồng đã vi hiến và quốc hội do đảng cộng sản dựng lên cũng vô trách nhiệm. Lý do này có thể chấp nhận việc không qua quốc hội là đúng vì thực ra quốc hội VN là của cộng sản. Các đại biểu quốc hội là nghị gật nên việc không thông qua không phải là vô lý. Việc Một thủ tướng vi hiến, một quốc hội vô trách nhiệm với đất đai của tổ quốc cũng là có tội với dân tộc, bán nước. Vì đây là vấn đề đất đai biển đảo quan trọng. Không cho phép bất cứ cá nhân nào làm việc như vậy.

Thứ ba, Có ý kiến biện luận rằng lúc đó 2 đảo HS-TS là chủ quyền của VNCH chứ không phải của VNDCCH nên tuyên bố của ông Đồng không có gì sai. Trong bài báo của đại đoàn kết có viết:

Trong Công hàm 1958, Thủ tướng Phạm Văn Đồng không hề đề cập đến hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Vì điều đó là không cần thiết, bởi theo Hiệp định Genève 1954, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm phía Nam vĩ tuyến 17 tạm thời thuộc quyền quản lý của Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa (VNCH).

Về lý do này chúng ta lại thấy sự sai trái của phía đảng cộng sản Việt Nam. Ở đây dù là đất của VNCH hay VNDCCH đều là phần đất của lãnh thổ Việt Nam. Như vậy dù nó có quản lý dưới tay ai cũng vẫn là của người Việt Nam chứ không phải của Trung cộng.

Đảng cộng sản tuyên bố chiến tranh với miền nam là để giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Việc thống nhất này bao gồm cả việc lấy đảo Trường Sa và Hoàng Sa. Vậy thì tại sao họ đã nghĩ được phần đất miền nam là của Việt Nam thống nhất, sao lại không nghĩ chủ quyền của Việt Nam bao gồm cả HS-TS. Chỉ có một lý do duy nhất đó là HS-TS là của Trung cộng (vì họ đã bán cho Trung Cộng) hoặc lý do thống nhất đất nước là lừa bịp. Dù lý do bán đất đảo hay lý do thống nhất lừa bịp (tôi sẽ có bài sau này) cũng có tội với dân tộc.

Thứ tư, trong dư luận bấy lâu nay có tin rằng (không chính thức nhưng từ miệng của các bộ đội cộng sản lão thành) lúc đó Trung Cộng mạnh, giúp VNDCCH nên công hàm trên nhằm mượn tay Trung Cộng để lấy HS-TS từ tay VNCH cho VNDCCH. Lý do này cũng sai. Vì từ trước đến nay qua 4000 năm lịch sử giữ nước chúng ta chưa bao giờ quên mộng xâm lăng của giặc Tàu. Đảng cộng sản nếu dùng mưu đó cũng là phạm tội “Công rấn cắn gà nhà”, tiếp tay cho kẻ thù. Như vậy đảng cộng sản và ông Đồng đã không đặt vấn đề dân tộc lên hàng đầu mà chỉ đặt lợi ích của “Đảng cộng sản anh em” lên trên. Ngoài ra nếu viện dẫn lý này tại sao cho đến giờ phút này Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam không tuyên bố rõ ràng Trung Cộng xâm chiếm HS-TS hay chỉ dừng lại ở những câu chung chung như nhai lại của các phát ngôn viên ngoại giao. Hay cụ thể là việc đàn áp biểu tình chống xâm lược.

Kết luận chung: Rõ ràng với công hàm 1958, đảng cộng sản Việt Nam và ông Hồ, ông Đồng đã bán nước cho Trung Cộng. Dù có biện luận dưới 4 lý do hiện nay đảng cộng sản đang rêu rao cũng đều hoặc vô lý, hoặc cũng có tội với dân tộc.

## **B. Vai trò của ông Hồ Chí Minh trong sự kiện công hàm 1958:**

Công hàm thì ký tên ông Phạm Văn Đồng, thủ tướng VNDCCH lúc đó. Từ trước đến nay chúng ta chỉ trích ông Đồng. Điều này đúng. Tuy nhiên chỉ là nửa sự thật. Vai trò của ông Hồ trong sự kiện này rất lớn. Tôi xin chứng minh sau đây.

## 1. Về hệ thống chính trị của đảng cộng sản Việt Nam:

Về hệ thống chính trị của Việt Nam, trên wiki:

(links: [http://vi.wikipedia.org/wiki/Chính\\_trị\\_Việt\\_Nam](http://vi.wikipedia.org/wiki/Chính_trị_Việt_Nam)) có đoạn: Cách tổ chức chính trị ở Việt Nam được sắp xếp theo trục dọc với Đảng Cộng Sản giữ địa vị trên hết, không như mô hình tam quyền phân lập như các tổ chức chính phủ dân chủ nghị viện khác...

Hiến pháp 1992 tái khẳng định vai trò ưu tiên của Đảng Cộng sản tuy nhiên cũng theo bản hiến pháp đó thì Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân và là tổ chức duy nhất nắm quyền lập pháp. Cơ quan này có trách nhiệm to lớn trong việc giám sát mọi chức năng của chính phủ.

Bộ chính trị với 15 thành viên hiện nay, được bầu ra vào tháng 1 năm 2011 và do Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đứng đầu, quyết định chính sách của chính phủ; Ban Bí thư gồm 10 người giám sát việc thi hành chính sách hàng ngày. Dù đã có một số nỗ lực nhằm giảm sự chông chéo giữa các vị trí của đảng và chính quyền, cách quản lý này hiện vẫn đang được áp dụng và mở rộng.

Như vậy bỏ qua vấn đề số thành viên (khác so với 1958) thì lúc nào vai trò của đảng cộng sản cũng là số 1, mà đại diện cho đảng cộng sản cầm quyền mọi quyết định là Bộ Chính trị. Chính phủ mà đứng đầu là ông Phạm Văn Đồng không thể thông qua một quyết định một quyết định to lớn liên quan đến như vậy.

Tôi xin dẫn chứng thêm về vai trò của bộ chính trị với nhà nước. Đây là đoạn trên trang của đảng cộng sản Việt Nam.

(Links: [http://www.cpv.org.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co\\_id=30316&cn\\_id=339033](http://www.cpv.org.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30316&cn_id=339033)):

Nhà nước Việt Nam có vị trí và vai trò đặc biệt quan trọng trong hệ thống chính trị được quy định bởi chức năng và nhiệm vụ của nó trong hệ thống chính trị, trong đời sống xã hội và được thể hiện trong mối quan hệ giữa Nhà nước với Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị. Nhà nước thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng thành hiến pháp, pháp luật và chính sách làm công cụ quản lý nhà nước đối với mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trong hệ thống chính trị nước ta, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là trụ cột, là công cụ tổ chức thực hiện ý chí và quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân quản lý toàn bộ hoạt động của đời sống xã hội. Đó chính là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Mặt khác, Nhà nước chịu sự lãnh đạo và thực hiện đường lối chính trị của Đảng. Đảng lãnh đạo Nhà nước thực hiện và đảm bảo đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.

Kết luận 1: Như vậy chúng ta khẳng định rằng quyết định của ông Đồng không thể không thông qua đảng cộng sản nhất là bộ chính trị của đảng cộng sản Việt Nam.

## 2. Ông Hồ Chí Minh có vai trò gì?

Công hàm của ông Phạm Văn Đồng thủ tướng nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, vì vậy công hàm chỉ có thể được gửi đến Chu Ân Lai sau khi đã được thông qua, được sự đồng ý và chấp thuận của Bộ Chính Trị. Ông Hồ Chí Minh lúc đó là Tổng Bí Thư kiêm Chủ Tịch nhà nước, nghĩa là ông đứng đầu BCT và đứng đầu chính phủ. Vậy không thể có chuyện ông Hồ không biết, không có ý kiến gì. Chính ông Đồng (trong trích dẫn của tôi ở phần trên đã nói: "đó là thời chiến nên phải nói như vậy thôi"). Vậy rõ ràng ông Đồng thừa nhận công hàm đó là có thật, ông phải thông qua ai nó mới được chuyển đi cho phía Trung Cộng? Đó chính là ông Hồ Chí Minh.

Qua hệ thống chính trị và vai trò chúng ta đã biết ông Hồ Chí Minh trong những năm đó thì không thể có chuyện ông Hồ không biết, không thông qua cho công hàm ông Đồng ký. Nếu giả sử ông Đồng không thông qua quốc hội, không thông qua ông Hồ và bộ chính trị liệu ông Đồng có bị trừng trị hay không? Rõ ràng là ông

Đồng sẽ bị trừng trị. Nhưng trên thực tế ông Đồng lại yên vị và khỏe mạnh, không tỳ vết. Như vậy ta có thể kết luận ông Hồ đã đồng thuận với việc ký công hàm này.

Rõ ràng Phạm Văn Đồng đã không tự mình quyết định. Ông chỉ làm nhiệm vụ thông tin cho phía Trung Cộng biết “Chính phủ VNDCCH tán thành...” cho dù bản thân ông có muốn tán thành hay không. Chính phủ đó do Hồ Chí Minh đứng đầu và đó là một Chính phủ do Đảng lãnh đạo! Về mặt Đảng, ông Hồ cũng là nhân vật chóp bu: Chủ tịch kiêm Tổng Bí Thư Đảng. Quyền lực của Tổng Bí Thư Đảng cùng với BCT Đảng luôn luôn là quyền tuyệt đối.

Tôi xin ví dụ một ví dụ nhãn tiền ngay trước mắt. Quốc hội Việt Nam bàn cãi, tha hồ đưa ra nghị quyết này khác. Nhưng khi Đảng bảo rằng Đảng đã quyết, thì chuyện Quốc Hội cãi nhau, rồi đồng thuận, rồi đưa ra Nghị quyết... đều trở thành trò hề. Cụ thể trong vụ Bauxite Tây Nguyên là một trong trăm ngàn ví dụ.

Ông Hồ là chủ tịch nước, kiêm tổng bí thư. Mọi quyết định nếu không do ông và bộ chính trị chỉ đạo thì một chức vụ hữu danh vô thực (thời điểm đó) của ông Đồng không làm gì được.

Vậy dù có vai trò chủ đạo hay chỉ là đồng thuận thì ông Hồ cũng có tội đồng lõa với ông Đồng ký một văn bản bán nước, công nhận chủ quyền kẻ thù trên phần đất của chính quê hương.

Ngoài ra, có một số ý kiến cho rằng thời điểm đó ông Hồ bị ông Lê Duẩn “nhiếp chính” và chèn ép. Họ đổ tội cho ông Lê Duẩn ép ông Hồ làm việc này. Tôi xin trả lời cho các bạn hai vấn đề. Thứ nhất thời điểm đó ông Duẩn chỉ là cán bộ không thực sự có vai trò to lớn trong lãnh đạo cộng sản Việt Nam. Theo wiki(links: [http://vi.wikipedia.org/wiki/Lê\\_Duẩn](http://vi.wikipedia.org/wiki/Lê_Duẩn)):

Cuối năm 1957, ông ra Hà Nội, vào Ban Bí thư Trung ương Đảng, chủ trì công việc của Ban Bí thư và là Phó Ban chuẩn bị văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng.

Tháng 9/1960, tại Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam, ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, giữ chức Bí thư Thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương.

Như vậy thì ông Duẩn mãi năm 1960 mới có vai trò chính trị đáng kể, còn 1957 - trước 1960 ông đơn thuần chỉ là cán bộ của ban bí thư chứ chưa phải là Bí thư thứ nhất như sau này. Vai trò chính trị vẫn trong tay ông Hồ. Ông Hồ chỉ thực sự bị cô lập, vai trò ông Duẩn chỉ thực sự rõ rệt sau năm 1960.

Tiếp theo, con người ông Lê Duẩn lại là con người có tư tưởng chống Trung cộng. Ông Duẩn cũng là một nguyên nhân chính trong cuộc chiến biên giới phía Bắc với Trung cộng. Ông Lê Duẩn chủ trương thân Liên Xô và chống Tàu nên phía Trung cộng đã rất tức giận trước các hành động cứng rắn của ông. Tất nhiên là cuộc chiến này còn nhiều nguyên nhân. Nhưng thực sự ông Lê Duẩn là cái gai trong mắt Trung Cộng, vì thế bảo ông Duẩn ép ông Hồ đồng ý công hàm 1958 là điều vô lý.

Qua bài này tôi đã chứng minh một sự thật là ông Đồng và ông Hồ đã thông qua công hàm 1958 để bán tổ quốc Việt Nam cho Trung Cộng. Vai trò của ông Hồ là hết sức rõ rệt trong sự kiện này. Chúng ta có thể thấy đảng cộng sản Việt Nam mà đại diện trong sự kiện này là ông Hồ và ông Đồng là những tội đồ của dân tộc.

